

Số: 1003 /TB-HĐ

Bình Phước, ngày 05 tháng 7 năm 2021

## THÔNG BÁO

### Danh sách thí sinh trúng tuyển công chức, kỳ thi tuyển công chức tỉnh Bình Phước năm 2020

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Quyết số 58/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng tuyển công chức tỉnh Bình Phước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức tỉnh Bình Phước năm 2020;

Căn cứ văn bản đăng ký nhu cầu tuyển dụng của các cơ quan, đơn vị;

Hội đồng thi tuyển Thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển công chức, kỳ thi tuyển công chức tỉnh Bình Phước năm 2020 như sau: (Có danh sách kèm theo).

Đề nghị thí sinh bổ sung Phiếu lý lịch tư pháp và các hồ sơ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển trước ngày **20/07/2021** về:

- Phòng Tổ chức cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy (điện thoại 02713.881.648) đối với thí sinh dự thi vào khối Đảng, Đoàn thể.

- Liên đoàn Lao động tỉnh (điện thoại 02713. 879.941) đối với thí sinh dự thi vào Khối liên đoàn lao động.

- Phòng Công chức, viên chức và Tổ chức bộ máy - Sở Nội vụ (điện thoại: 02713.870.762) đối với thí sinh dự thi vào khối Nhà nước.

Trường hợp người trúng tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển sẽ bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Sau khi hoàn thiện đủ hồ sơ, Hội đồng tuyển dụng sẽ gửi Quyết định tuyển dụng đến địa chỉ mà thí sinh đã đăng ký.

Do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, do đó Hội đồng thi tuyển yêu cầu thí sinh sau khi nhận được Quyết định tuyển dụng và nhận việc tại cơ quan trúng tuyển phải có Tờ khai bảo hiểm y tế. Trường hợp có đi, về, ở từ tỉnh ngoài hoặc trở về từ vùng có dịch, phải đến cơ sở y tế tại Bình Phước để khai báo y tế và tiến hành cách ly tại nhà (hoặc nơi ở) đủ 21 ngày trước khi đến nhận việc.

#### Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐ (để b/c);
- Các ban xây dựng Đảng;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website: [sonoivu.binhphuoc.gov.vn](http://sonoivu.binhphuoc.gov.vn);
- Lưu VT. P. CCVC&TCBM.



GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ  
Trần Thị Ánh Tuyết

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**\* DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO KHỐI LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 1003 /TB-HĐTT ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thi tuyển công chức)

| STT | Số báo danh | Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển              | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi                                      | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng   | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đôi tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Kết quả     |
|-----|-------------|---------------------|---------------------|-----------|-----------------------------|---------------------|--------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|-------------|
| 1   | 2           | 3                   | 4                   | 5         | 6                           | 7                   | 8                                          | 9        | 10                                                                  | 11                                 | 12                               | 13                | 14           | 15              | 16          |
| 1   | LĐ506       | Nguyễn Thị Thảo Vân | 3/1/1988            | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Tài chính                                  | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn | Làm việc tại CĐ các KCN tỉnh       | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 74              | Trúng tuyển |
| 2   | LĐ036       | Bùi Trần Bình       | 28/12/1993          | Nam       | Tài chính ngân hàng         | Đại học             | Tài chính                                  | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn |                                    | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 71              | Trúng tuyển |
| 3   | LĐ195       | Huỳnh Thị Kiều      | 12/9/1982           | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Tài chính                                  | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn |                                    | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 78              | Trúng tuyển |
| 4   | LĐ219       | Vũ Hoàng Linh       | 24/04/1988          | Nữ        | Tài chính ngân hàng         | Thạc sĩ; Đại học    | Tài chính                                  | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn | Ban Tài chính LĐLĐ tỉnh BP         | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 95              | Trúng tuyển |
| 5   | LĐ242       | Lê Thanh Phương Mai | 16/08/1994          | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Tài chính                                  | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn | Ban Tài chính LĐLĐ tỉnh Bình Phước | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 69              | Trúng tuyển |
| 6   | LĐ289       | Trần Thị Bảo Ngọc   | 15/01/1991          | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Tài chính                                  | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn |                                    | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 65              | Trúng tuyển |
| 7   | LĐ497       | Phan Thị Ánh Tuyết  | 18/04/1988          | Nữ        | Công nghệ môi trường        | Đại học             | Tham mưu công tác An toàn Vệ sinh Lao động | 27       | Tham mưu công tác An toàn Vệ sinh Lao động                          | Làm việc tại LĐLĐ huyện Phú Riềng  | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 81              | Trúng tuyển |
| 8   | LĐ365       | Hà Văn Sơn          | 28/03/1995          | Nam       | KT nông nghiệp              | Đại học             | Tham mưu công tác Công đoàn                | 28       | Tham mưu công tác Công đoàn                                         | Làm việc tại CĐ ngành GDDT         | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 69              | Trúng tuyển |

| STT | Số báo danh | Họ và tên               | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi                                      | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng   | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Kết quả     |
|-----|-------------|-------------------------|---------------------|-----------|-----------------------------|---------------------|-------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|-------------|
| 1   | 2           | 3                       | 4                   | 5         | 6                           | 7                   | 8                             | 9        | 10                                                                  | 11                                 | 12                               | 13                | 14           | 15              | 16          |
| 9   | LĐ387       | Nguyễn Thị Thanh Phương | 2/8/1982            | Nữ        | Quản trị kinh doanh         | Đại học             | Tham mưu công tác Công đoàn   | 28       | Tham mưu công tác Công đoàn                                         | Làm việc tại CĐ Viên chức tỉnh     | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 62              | Trúng tuyển |
| 10  | LĐ019       | Giang Quốc Anh          | 20/11/1994          | Nam       | QTKD; Lịch sử ĐCS VN        | Thạc sĩ; Đại học    | Tham mưu công tác Công đoàn   | 28       | Tham mưu công tác Công đoàn                                         | Ban Tổ chức LĐLĐ tỉnh Bình Phước   | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 78              | Trúng tuyển |
| 11  | LĐ086       | Lê Văn Dương            | 20/10/1997          | Nam       | Luật                        | Đại học             | Tham mưu công tác Công đoàn   | 28       | Tham mưu công tác Công đoàn                                         |                                    | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 54              | Trúng tuyển |
| 12  | LĐ328       | Lê Quang Phúc           | 25/12/1988          | Nam       | Quản trị kinh doanh         | Đại học             | Tham mưu công tác Công đoàn   | 28       | Tham mưu công tác Công đoàn                                         | Văn phòng LĐLĐ tỉnh BP             | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 60              | Trúng tuyển |
| 13  | LĐ345       | Nguyễn Thị Phương       | 22/06/1991          | Nữ        | Luật                        | Đại học             | Tham mưu công tác Công đoàn   | 28       | Tham mưu công tác Công đoàn                                         |                                    | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 56              | Trúng tuyển |
| 14  | LĐ420       | Nguyễn Vy Anh Thư       | 25/04/1996          | Nữ        | Luật KT                     | Đại học             | Tham mưu công tác Công đoàn   | 28       | Tham mưu công tác Công đoàn                                         | Văn thư LĐLĐ tỉnh BP               | LĐLĐ tỉnh Bình Phước             |                   |              | 63              | Trúng tuyển |
| 15  | LĐ458       | Phạm Nguyễn Thùy Trang  | 16/05/1991          | Nữ        | Hệ thống thông tin quản lý  | Đại học             | Tài chính                     | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn | Làm việc tại LĐLĐ huyện Bù Đốp     | LĐLĐ huyện Bù Đốp                |                   |              | 92              | Trúng tuyển |
| 16  | LĐ264       | Nguyễn Hoài Nam         | 01/06/1997          | Nam       | Công tác xã hội             | Đại học             | Tham mưu công tác Công đoàn   | 28       | Tham mưu công tác Công đoàn                                         | Làm việc tại LĐLĐ huyện Bù Đốp     | LĐLĐ huyện Bù Đốp                |                   |              | 62              | Trúng tuyển |
| 17  | LĐ058       | Trần Bình Đạt           | 15/10/1990          | Nam       | Quản trị kinh doanh         | Đại học             | Tài chính                     | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn | Làm việc tại LĐLĐ huyện Bù Gia Mập | LĐLĐ huyện Bù Gia Mập            |                   |              | 88              | Trúng tuyển |
| 18  | LĐ039       | Bùi Thị Chang           | 26/12/1988          | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Tài chính                     | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn | Làm việc tại LĐLĐ huyện Chơn Thành | LĐLĐ huyện Chơn Thành            |                   |              | 69              | Trúng tuyển |
| 19  | LĐ352       | Nguyễn Thị Như Quỳnh    | 26/07/1984          | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Tài chính                     | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn | Làm việc tại CĐ Viên chức tỉnh     | LĐLĐ TP. Đồng Xoài               |                   |              | 87              | Trúng tuyển |

| STT                          | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi                                      | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Kết quả     |
|------------------------------|-------------|-----------------------|---------------------|-----------|-----------------------------|---------------------|-------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|-------------|
| 1                            | 2           | 3                     | 4                   | 5         | 6                           | 7                   | 8                             | 9        | 10                                                                  | 11                               | 12                               | 13                | 14           | 15              | 16          |
| 20                           | LĐ419       | Hoàng Minh Thư        | 19/03/1993          | Nữ        | Tài chính ngân hàng         | Đại học             | Tài chính                     | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn | Làm việc tại LĐLĐ TP. Đồng Xoài  | LĐLĐ TP. Đồng Xoài               |                   |              | 63              | Trúng tuyển |
| 21                           | LĐ143       | Vũ Huy Hoàng          | 18/02/1996          | Nam       | Kế toán                     | Đại học             | Tham mưu công tác Công đoàn   | 28       | Tham mưu công tác Công đoàn                                         | Làm việc tại LĐLĐ TP. Đồng Xoài  | LĐLĐ TP. Đồng Xoài               |                   |              | 73              | Trúng tuyển |
| 22                           | LĐ411       | Lê Thị Thoan          | 10/5/1986           | Nữ        | Triết học                   | Đại học             | Tham mưu công tác Công đoàn   | 28       | Tham mưu công tác Công đoàn                                         | Làm việc tại LĐLĐ TP. Đồng Xoài  | LĐLĐ TP. Đồng Xoài               |                   |              | 64              | Trúng tuyển |
| 23                           | LĐ447       | Lê Văn Toàn           | 10/12/1983          | Nam       | Kế toán                     | Đại học             | Tài chính                     | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn | Làm việc tại LĐLĐ TX. Bình Long  | LĐLĐ TX. Bình Long               |                   |              | 57              | Trúng tuyển |
| 24                           | LĐ398       | Trần Ngọc Phương Thảo | 20/10/1991          | Nữ        | Kế toán kiểm toán           | Đại học             | Tài chính                     | 03       | Tham mưu công tác Tài chính kế toán và kiểm tra tài chính công đoàn | Làm việc tại LĐLĐ TX. Phước Long | LĐLĐ TX. Phước Long              |                   |              | 78              | Trúng tuyển |
| <b>Danh sách có 24 người</b> |             |                       |                     |           |                             |                     |                               |          |                                                                     |                                  |                                  |                   |              |                 |             |





**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO KHỐI NHÀ NƯỚC,  
KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 1003 /TB-HĐTT ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thi tuyển công chức)

| STT | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo           | Trình độ chuyên môn | Vị trí bố trí sau khi tuyển dụng              | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------|-----------|---------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1   | 2                  | 3                   | 4         | 5                                     | 6                   | 7                                             | 8                                | 9       |
| 1   | Lê Thị Như Ngọc    | 14/10/1987          | Nữ        | Tài chính -Ngân hàng                  | Đại học             | Văn phòng Ban                                 | Ban quản lý khu kinh tế          |         |
| 2   | Tạ Thị Vân         | 01/06/1991          | Nữ        | Luật                                  | Đại học             | Đội kiểm lâm cơ động và Phòng chống cháy rừng | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 3   | Trần Ngọc Toán     | 22/06/1994          | Nam       | Luật                                  | Đại học             | Đội kiểm lâm cơ động và Phòng chống cháy rừng | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 4   | Nguyễn Công Thái   | 23/01/1996          | Nam       | Quản lý tài nguyên rừng               | Đại học             | Đội kiểm lâm cơ động và Phòng chống cháy rừng | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 5   | Nguyễn Văn Hiệp    | 20/01/1993          | Nam       | Quản lý tài nguyên rừng và môi trường | Đại học             | Đội kiểm lâm cơ động và Phòng chống cháy rừng | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 6   | Nguyễn Quốc Hội    | 20/11/1994          | Nam       | Quản lý tài nguyên rừng               | Đại học             | Đội kiểm lâm cơ động và Phòng chống cháy rừng | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 7   | Nguyễn Thị Ngọc Tư | 19/06/1984          | Nữ        | Kế Toán                               | Đại học             | Hạt kiểm lâm huyện Bù Đăng                    | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |

| STT | Họ và tên   |        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo                  | Trình độ chuyên môn | Vị trí bố trí sau khi tuyển dụng                  | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|-------------|--------|---------------------|-----------|----------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1   | 2           |        | 3                   | 4         | 5                                            | 6                   | 7                                                 | 8                                | 9       |
| 8   | Hà Văn      | Lĩnh   | 10/02/1992          | Nam       | Quản lý tài nguyên rừng                      | Đại học             | Hạt kiểm lâm huyện Bù Đăng                        | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 9   | Cao Đức     | Hùng   | 19/10/1984          | Nam       | Luật                                         | Đại học             | Hạt kiểm lâm huyện Bù Đốp                         | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 10  | Phạm Hữu    | Vinh   | 01/10/1987          | Nam       | Luật                                         | Đại học             | Hạt kiểm lâm huyện Bù Đốp                         | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 11  | Phạm Đức    | Truyền | 28/08/1991          | Nam       | Quản lý đất đai                              | Đại học             | Hạt kiểm lâm huyện Đồng Phú                       | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 12  | Nguyễn Hồng | Son    | 27/08/1990          | Nam       | Luật                                         | Đại Học             | Hạt kiểm lâm huyện Lộc Ninh                       | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 13  | Điền        | Tuyết  | 16/07/1997          | Nam       | Quản lý tài nguyên rừng                      | Đại học             | Hạt kiểm lâm huyện thị xã Bù Gia Mập - Phước Long | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 14  | Trần Văn    | Khóa   | 04/09/1989          | Nam       | Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường | Đại học             | Hạt kiểm lâm huyện thị xã Bù Gia Mập - Phước Long | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 15  | Mai Văn     | Hân    | 10/12/1989          | Nam       | Kỹ thuật môi trường                          | Đại học             | Hạt kiểm lâm huyện thị xã Bù Gia Mập - Phước Long | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 16  | Nguyễn Văn  | Ngọc   | 05/01/1994          | Nam       | Luật                                         | Đại học             | Phòng Hành chính - Pháp chế                       | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |
| 17  | Đặng Hồng   | Phương | 10/10/1992          | Nữ        | Quản trị kinh doanh                          | Đại học             | Phòng Hành chính - Pháp chế                       | Chi cục kiểm lâm tỉnh            |         |

| STT | Họ và tên      |       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Vị trí bố trí sau khi tuyển dụng                       | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển  | Ghi chú |
|-----|----------------|-------|---------------------|-----------|-----------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------|
| 1   | 2              |       | 3                   | 4         | 5                           | 6                   | 7                                                      | 8                                 | 9       |
| 18  | Nguyễn Hữu     | Nghĩa | 08/02/1995          | Nam       | Quản lý tài nguyên rừng     | Đại học             | Phòng Quản lý, bảo vệ rừng                             | Chi cục kiểm lâm tỉnh             |         |
| 19  | Nguyễn Thị Kim | Khánh | 20/07/1992          | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Văn phòng Sở                                           | Sở Giáo dục và Đào tạo            |         |
| 20  | Nguyễn Văn     | Đức   | 25/09/1984          | Nam       | Quản trị kinh doanh         | Thạc sỹ             | Văn phòng Sở                                           | Sở Giáo dục và Đào tạo            |         |
| 21  | Từ Thị         | Thơ   | 13/09/1988          | Nữ        | Văn Học                     | Thạc sỹ             | Văn phòng Sở                                           | Sở Giáo dục và Đào tạo            |         |
| 22  | Nguyễn Thị     | Cúc   | 18/06/1994          | Nữ        | Luật                        | Đại học             | Thanh tra Sở                                           | Sở giao thông vận tải             |         |
| 23  | Nguyễn Thị Thu | Ngọc  | 05/05/1997          | Nữ        | Luật                        | Đại học             | Thanh tra Sở                                           | Sở giao thông vận tải             |         |
| 24  | Nguyễn Thị     | Nhung | 01/01/1989          | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Văn phòng Sở                                           | Sở giao thông vận tải             |         |
| 25  | Trần Ngọc      | Huyền | 13/05/1990          | Nữ        | Quản trị kinh doanh         | Đại Học             | Phòng Đầu tư, thẩm định và giám sát đầu tư             | Sở Kế hoạch và Đầu tư             |         |
| 26  | Nguyễn Hồng    | Nhung | 04/04/1992          | Nữ        | Tài chính ngân hàng         | Thạc sỹ             | Văn phòng Sở                                           | Sở khoa học và công nghệ          |         |
| 27  | La Thị Hồng    | Vân   | 05/02/1996          | Nữ        | Quản lý nhà nước            | Đại học             | Văn phòng Sở                                           | Sở Lao động, Thương binh & Xã hội |         |
| 28  | Nguyễn Thị Phi | Yên   | 26/12/1987          | Nữ        | Hành chính                  | Đại học             | Phòng xây dựng Chính quyền công tác thanh niên và CCHC | Sở Nội vụ                         |         |
| 29  | Bùi Thị        | Nam   | 06/08/1990          | Nữ        | Kế Toán                     | Đại học             | Văn phòng Sở                                           | Sở Nội vụ                         |         |
| 30  | Đinh Thị Kim   | Huyền | 29/08/1998          | Nữ        | Luật                        | Đại học             | Văn phòng Sở                                           | Sở Nội vụ                         |         |

| STT | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo   | Trình độ chuyên môn | Vị trí bố trí sau khi tuyển dụng             | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển       | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------------------|-----------|-------------------------------|---------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| 1   | 2                    | 3                   | 4         | 5                             | 6                   | 7                                            | 8                                      | 9       |
| 31  | Đặng Thị Cẩm Chi     | 20/01/1989          | Nữ        | Lâm nghiệp                    | Đại học             | Thanh tra Sở                                 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |         |
| 32  | Nguyễn Trung Mỹ      | 08/07/1991          | Nam       | Lâm nghiệp                    | Đại học             | Thanh tra Sở                                 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |         |
| 33  | Huỳnh Huy Lâm        | 29/03/1992          | Nam       | Kế toán                       | Đại học             | Phòng Tài chính - Hành chính sự nghiệp       | Sở Tài chính                           |         |
| 34  | Nguyễn Văn Vịnh      | 06/11/1985          | Nam       | Kế toán                       | Đại học             | Phòng Tài chính - Hành chính sự nghiệp       | Sở Tài chính                           |         |
| 35  | Hà Thị Oanh          | 04/09/1990          | Nữ        | Kinh tế                       | Đại học             | Văn phòng Sở                                 | Sở Tài chính                           |         |
| 36  | Đỗ Thị Hà            | 02/08/1988          | Nữ        | Quản lý đất đai               | Đại học             | Chi cục Quản lý đất đai                      | Sở tài nguyên và môi trường            |         |
| 37  | Lê Thị Lý            | 06/06/1986          | Nữ        | Kinh tế tài nguyên môi trường | Đại học             | Chi cục Quản lý đất đai                      | Sở tài nguyên và môi trường            |         |
| 38  | Nguyễn Đình Thế Anh  | 13/01/1996          | Nam       | Quản lý nhà nước              | Đại học             | Văn phòng Sở                                 | Sở tài nguyên và môi trường            |         |
| 39  | Trần Thị Phương Thảo | 20/02/1998          | Nữ        | Luật                          | Đại học             | Văn phòng Sở                                 | Sở tài nguyên và môi trường            |         |
| 40  | Trịnh Trung Kiên     | 06/02/1995          | Nam       | Kỹ thuật trắc địa bản đồ      | Đại học             | Văn phòng Sở                                 | Sở tài nguyên và môi trường            |         |
| 41  | Phan Thị Thanh Thủy  | 22/03/1986          | Nữ        | Kế Toán                       | Đại học             | Văn phòng Sở                                 | Sở thông tin và truyền thông           |         |
| 42  | Nguyễn Tấn Lộc       | 16/10/1991          | Nam       | Kiến trúc sư                  | Đại học             | Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản | Sở Xây dựng                            |         |

| STT | Họ và tên       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo             | Trình độ chuyên môn | Vị trí bố trí sau khi tuyển dụng             | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------|-----------|-----------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1   | 2               | 3                   | 4         | 5                                       | 6                   | 7                                            | 8                                | 9       |
| 43  | Nguyễn Văn Tạo  | 17/06/1985          | Nam       | Kỹ thuật công trình                     | Đại học             | Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản | Sở Xây dựng                      |         |
| 44  | Phạm Công Khanh | 09/06/1988          | Nam       | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Đại học             | Phòng Quản lý xây dựng                       | Sở Xây dựng                      |         |
| 45  | Trịnh Văn Tú    | 12/12/1988          | Nam       | Tin học                                 | Đại học             | Văn phòng Sở                                 | Sở Xây dựng                      |         |
| 46  | Lường Thị Yên   | 24/08/1995          | Nữ        | Công tác thanh thiếu niên               | Đại học             | Văn phòng thanh tra                          | Thanh tra tỉnh                   |         |
| 47  | Lê Sỹ Thịnh     | 18/04/1973          | Nam       | Xây dựng cầu đường                      | Đại học             | Phòng Kinh tế - Hạ tầng                      | UBND huyện Bù Đốp                |         |
| 48  | Phan Thị Yên    | 20/02/1990          | Nữ        | Quản trị kinh doanh                     | Đại học             | Phòng Tài chính - Kế hoạch                   | UBND huyện Bù Đốp                |         |
| 49  | Trần Văn Nghĩa  | 10/10/1989          | Nam       | Quản lý đất đai                         | Đại học             | Phòng tài nguyên và môi trường               | UBND huyện Bù Đốp                |         |
| 50  | Trần Thành Lộc  | 16/03/1995          | Nam       | Luật                                    | Đại học             | Thanh tra huyện                              | UBND huyện Bù Đốp                |         |
| 51  | Hoàng Văn Dinh  | 04/12/1979          | Nam       | Xây dựng cầu đường bộ                   | Đại học             | Phòng Kinh tế - Hạ tầng                      | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |
| 52  | Nguyễn Văn Vinh | 08/02/1991          | Nam       | Kỹ Thuật xây dựng                       | Đại học             | Phòng Kinh tế - Hạ tầng                      | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |

| STT | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo       | Trình độ chuyên môn | Vị trí bố trí sau khi tuyển dụng               | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------------------|-----------|-----------------------------------|---------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1   | 2                    | 3                   | 4         | 5                                 | 6                   | 7                                              | 8                                | 9       |
| 53  | Hoàng Thị Dung       | 10/08/1991          | Nữ        | Kinh tế xây dựng và quản lý dự án | Đại học             | Phòng Kinh tế - Hạ tầng                        | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |
| 54  | Dương Công Tú        | 15/10/1987          | Nam       | Kỹ thuật công trình xây dựng      | Đại học             | Phòng Kinh tế - Hạ tầng                        | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |
| 55  | Đặng Thị Ngọc Ánh    | 15/10/1993          | Nữ        | Quản lý công                      | Thạc sỹ             | Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |
| 56  | Nguyễn Lâm Ngọc Bích | 30/04/1986          | Nữ        | Tâm lý giáo dục                   | Đại học             | Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |
| 57  | Mai Lư Thị Hào       | 08/09/1989          | Nữ        | Tài chính - ngân hàng             | Đại học             | Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |
| 58  | Lê Văn Thảo          | 02/10/1992          | Nam       | Quản trị kinh doanh               | Đại học             | Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |
| 59  | Bùi Thị Vân Anh      | 19/02/1989          | Nữ        | Tài chính - ngân hàng             | Đại học             | Phòng Tài chính - Kế hoạch                     | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |
| 60  | Nguyễn Thị Thúy Anh  | 04/10/1990          | Nữ        | Kế toán                           | Đại học             | Phòng Tài chính - Kế hoạch                     | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |

| STT | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo    | Trình độ chuyên môn | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------------------|-----------|--------------------------------|---------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1   | 2                      | 3                   | 4         | 5                              | 6                   | 7                                | 8                                | 9       |
| 61  | Lê Thị Mỹ              | 15/03/1997          | Nữ        | Quản lý đất đai                | Đại học             | Phòng Tài nguyên và môi trường   | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |
| 62  | Huỳnh Thị Nhiên        | 20/04/1990          | Nữ        | Tài chính ngân hàng            | Đại học             | Văn phòng HĐND - UBND            | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |
| 63  | Nguyễn Hữu Thiết       | 26/06/1995          | Nam       | Địa lý học                     | Đại học             | Văn phòng HĐND - UBND            | UBND huyện Bù Gia Mập            |         |
| 64  | Lê Văn Tám             | 21/02/1997          | Nam       | Xây dựng công trình giao thông | Đại học             | Phòng Kinh tế - Hạ tầng          | UBND huyện Chơn Thành            |         |
| 65  | Vũ Đăng Anh            | 05/11/1992          | Nam       | Kỹ thuật xây dựng              | Đại học             | Phòng Kinh tế - Hạ tầng          | UBND huyện Chơn Thành            |         |
| 66  | Nguyễn Trọng Hưng      | 16/09/1990          | Nam       | Kỹ thuật trắc địa - bản đồ     | Thạc sỹ             | Phòng Tài nguyên và Môi trường   | UBND huyện Chơn Thành            |         |
| 67  | Nguyễn Thị Tuấn Phương | 27/08/1998          | Nữ        | Công nghệ kỹ Thuật Môi trường  | Đại học             | Phòng Tài nguyên và Môi trường   | UBND huyện Chơn Thành            |         |
| 68  | Nguyễn Thị Mỹ Tiên     | 22/06/1997          | Nữ        | Luật Kinh tế                   | Đại học             | Văn phòng HĐND - UBND            | UBND huyện Chơn Thành            |         |
| 69  | Vũ Văn Hiệp            | 09/06/1979          | Nam       | Kế toán                        | Đại học             | Phòng Tài chính - Kế hoạch       | UBND huyện Đồng Phú              |         |
| 70  | Nguyễn Thị Hiền        | 20/04/1990          | Nữ        | Khoa học môi trường            | Đại học             | Phòng tài nguyên và môi trường   | UBND huyện Đồng Phú              |         |
| 71  | Đặng Vũ Huỳnh          | 02/02/1989          | Nam       | Xây dựng cầu đường             | Đại học             | Phòng Kinh tế - Hạ tầng          | UBND huyện Hớn Quản              |         |

| STT | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo            | Trình độ chuyên môn | Vị trí bố trí sau khi tuyển dụng               | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|--------------------|---------------------|-----------|----------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1   | 2                  | 3                   | 4         | 5                                      | 6                   | 7                                              | 8                                | 9       |
| 72  | Trần Thanh Bình    | 08/08/1993          | Nam       | Công nghệ kỹ thuật hóa học             | Đại học             | Phòng Kinh tế - Hạ tầng                        | UBND huyện Lộc Ninh              |         |
| 73  | Phạm Liêm Khiết    | 14/06/1990          | Nam       | Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng | Đại học             | Phòng Kinh tế - Hạ tầng                        | UBND huyện Lộc Ninh              |         |
| 74  | Nguyễn Xuân Hiếu   | 04/10/1990          | Nam       | Luật                                   | Đại học             | Thanh tra huyện                                | UBND huyện Lộc Ninh              |         |
| 75  | Nguyễn Thành Trung | 18/02/1993          | Nam       | Nông học                               | Đại học             | Văn phòng HĐND - UBND                          | UBND huyện Lộc Ninh              |         |
| 76  | Nguyễn Trí Lai     | 17/12/1989          | Nam       | Hành chính quản lý công                | Đại học             | Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội | UBND huyện Phú Riềng             |         |
| 77  | Võ Duy Phương      | 05/08/1993          | Nam       | Luật dân sự                            | Đại học             | Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội | UBND huyện Phú Riềng             |         |
| 78  | Kiều Thị Kim Dung  | 20/05/1992          | Nữ        | Kế toán                                | Đại học             | Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội | UBND huyện Phú Riềng             |         |
| 79  | Đới Thị Nga        | 08/02/1991          | Nữ        | Luật                                   | Đại học             | Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội | UBND huyện Phú Riềng             |         |
| 80  | Nguyễn Thị Xuân    | 02/12/1986          | Nữ        | Kế toán                                | Đại học             | Phòng Tài chính - Kế hoạch                     | UBND huyện Phú Riềng             |         |

| STT | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo      | Trình độ chuyên môn | Vị trí bố trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------------------|-----------|----------------------------------|---------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1   | 2                     | 3                   | 4         | 5                                | 6                   | 7                                | 8                                | 9       |
| 81  | Phạm Thị Thu Hà       | 20/04/1991          | Nữ        | Quản trị kinh doanh              | Đại học             | Phòng Tài chính - Kế hoạch       | UBND huyện Phú Riềng             |         |
| 82  | Lê Hữu Nghĩa          | 06/09/1994          | Nam       | Quản lý đất đai                  | Đại học             | Phòng tài nguyên và môi trường   | UBND huyện Phú Riềng             |         |
| 83  | Vũ Anh Tuấn           | 10/05/1989          | Nam       | Kinh tế xây dựng                 | Đại học             | Thanh tra huyện                  | UBND huyện Phú Riềng             |         |
| 84  | Phạm Đình Mùi         | 16/04/1993          | Nam       | Quản lý nhà nước                 | Đại học             | Văn phòng HĐND - UBND            | UBND huyện Phú Riềng             |         |
| 85  | Nguyễn Thanh Phương   | 09/01/1997          | Nữ        | Luật hành chính                  | Đại học             | Văn phòng HĐND - UBND            | UBND huyện Phú Riềng             |         |
| 86  | Trần Việt Thọ         | 25/08/1990          | Nam       | Quản trị kinh doanh              | Đại học             | Văn phòng HĐND - UBND            | UBND huyện Phú Riềng             |         |
| 87  | Trịnh Quốc Phương     | 05/05/1985          | Nam       | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Đại học             | Phòng Quản lý đô thị             | UBND thành phố Đồng Xoài         |         |
| 88  | Nguyễn Khánh Ngọc     | 23/08/1991          | Nữ        | Ngữ văn                          | Đại học             | Phòng Văn hoá, Thông tin         | UBND thành phố Đồng Xoài         |         |
| 89  | Trịnh Xuân Hà         | 29/03/1985          | Nam       | Quản lý đất đai                  | Đại học             | Thanh tra thành phố              | UBND thành phố Đồng Xoài         |         |
| 90  | Đỗ Văn Dũng           | 11/01/1987          | Nam       | Kỹ thuật máy tính                | Đại học             | Văn phòng HĐND - UBND            | UBND thành phố Đồng Xoài         |         |
| 91  | Giang Thị Phương Thảo | 24/04/1992          | Nữ        | Kế toán                          | Đại học             | Văn phòng HĐND - UBND            | UBND thành phố Đồng Xoài         |         |

| STT | Họ và tên       |       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Vị trí bố trí sau khi tuyển dụng               | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------|---------------------|-----------|-----------------------------|---------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1   | 2               |       | 3                   | 4         | 5                           | 6                   | 7                                              | 8                                | 9       |
| 92  | Trần Trung      | Kiên  | 02/09/1988          | Nam       | Luật kinh tế                | Đại học             | Phòng Nội vụ                                   | UBND thị xã Bình Long            |         |
| 93  | Thương Thanh    | Phong | 15/02/1990          | Nam       | Công nghệ thông tin         | Cao Đẳng            | Phòng Nội vụ                                   | UBND thị xã Bình Long            |         |
| 94  | Tạ Xuân         | Huy   | 19/05/1988          | Nam       | Kỹ thuật đô thị             | Đại học             | Phòng Tài chính - Kế hoạch                     | UBND thị xã Bình Long            |         |
| 95  | Trần Thị Tiểu   | My    | 16/11/1991          | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Phòng Tài chính - Kế hoạch                     | UBND thị xã Bình Long            |         |
| 96  | Nguyễn Doãn     | Hoàn  | 21/01/1986          | Nam       | Kế toán                     | Đại học             | Thanh tra thị xã                               | UBND thị xã Bình Long            |         |
| 97  | Nguyễn Minh     | Hoàng | 29/10/1984          | Nam       | Điện tử viễn thông          | Đại học             | Văn phòng HĐND - UBND                          | UBND thị xã Bình Long            |         |
| 98  | Ngô Nguyễn Thùy | Trang | 18/06/1989          | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Văn phòng HĐND - UBND                          | UBND thị xã Bình Long            |         |
| 99  | Ngô Thị Hải     | Yến   | 12/09/1990          | Nữ        | Tài chính ngân - hàng       | Đại học             | Văn phòng HĐND - UBND                          | UBND thị xã Bình Long            |         |
| 100 | Phan Thị        | Lan   | 17/07/1990          | Nữ        | Văn thư hành chính          | Cao Đẳng            | Văn phòng HĐND - UBND                          | UBND thị xã Bình Long            |         |
| 101 | Phan Thị Kim    | Thoa  | 19/03/1983          | Nữ        | Sư phạm mầm non             | Đại học             | Phòng Giáo dục và Đào tạo                      | UBND thị xã Phước Long           |         |
| 102 | Đinh Xuân       | Hậu   | 09/01/1992          | Nam       | Luật                        | Đại học             | Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội | UBND thị xã Phước Long           |         |

| STT                           | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo      | Trình độ chuyên môn | Vị trí bố trí sau khi tuyển dụng               | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Ghi chú                                                                              |
|-------------------------------|-----------------------|---------------------|-----------|----------------------------------|---------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                             | 2                     | 3                   | 4         | 5                                | 6                   | 7                                              | 8                                | 9                                                                                    |
| 103                           | Đặng Phương Quỳnh     | 08/08/1995          | Nữ        | Luật                             | Đại học             | Phòng Nội vụ - Lao động, Thương binh và Xã hội | UBND thị xã Phước Long           |                                                                                      |
| 104                           | Đặng Xa Khôi          | 21/01/1987          | Nam       | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Đại học             | Phòng Quản lý đô thị                           | UBND thị xã Phước Long           |                                                                                      |
| 105                           | Vương Công Vũ         | 15/09/1982          | Nam       | Quản lý văn hóa                  | Đại học             | Phòng Văn hoá, Thông tin                       | UBND thị xã Phước Long           |                                                                                      |
| 106                           | Nguyễn Ngọc Minh Vy   | 16/01/1994          | Nữ        | Luật                             | Đại học             | Thanh tra thị xã                               | UBND thị xã Phước Long           |                                                                                      |
| 107                           | Nguyễn Đức Hồng       | 16/07/1987          | Nam       | Xây dựng                         | Đại học             | Văn phòng Cấp ủy HĐND- UBND                    | UBND thị xã Phước Long           |                                                                                      |
| 108                           | Ngô Quốc Hưng         | 22/09/1991          | Nam       | Công nghệ thông tin              | Đại học             | Văn phòng Cấp ủy HĐND- UBND                    | UBND thị xã Phước Long           |  |
| 109                           | Nguyễn Thị Mai        | 21/11/1986          | Nữ        | Kế toán                          | Đại học             | Phòng Công tác HĐND                            | Văn phòng HĐND tỉnh              |                                                                                      |
| 110                           | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 06/08/1990          | Nữ        | Xã hội học                       | Đại học             | Phòng Công tác HĐND                            | Văn phòng HĐND tỉnh              |                                                                                      |
| <b>Danh sách có 110 người</b> |                       |                     |           |                                  |                     |                                                |                                  |                                                                                      |

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 1003 /TB-HĐTT ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng thi tuyển công chức)

| STT                                                          | Số báo danh | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo      | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi        | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên                          | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|--------------------------------------------------------------|-------------|------------------|---------------------|-----------|----------------------------------|---------------------|-------------------------------|----------|---------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                            | 2           | 3                | 4                   | 5         | 6                                | 7                   | 8                             | 9        | 10                                    | 11                               | 12                               | 13                                         | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 01 nhu cầu về Báo chí tuyển truyền                           |             |                  |                     |           |                                  |                     |                               |          |                                       |                                  |                                  |                                            |              |                 |           |                    | 1           |
| 1                                                            | ĐD161       | Phạm Minh Hùng   | 03/07/1985          | Nam       | Báo Chí Truyền thông             | Đại học             | Công tác dân vận              | 20       | Tham mưu công tác về dân vận          | Phòng Nghiệp vụ                  | Ban Dân vận Tỉnh ủy              |                                            |              | 51              | 51        |                    | Trúng tuyển |
| 01 nhu cầu về lưu trữ hoặc lưu trữ và quản trị văn phòng     |             |                  |                     |           |                                  |                     |                               |          |                                       |                                  |                                  |                                            |              |                 |           |                    | 0           |
| 2                                                            | ĐD321       | Lê Thị Oanh      | 02/05/1989          | Nữ        | Lưu trữ học                      | Đại học             | Văn phòng                     | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng | Văn phòng                        | Ban Dân vận Tỉnh ủy              |                                            |              | 73              | 73        |                    | Trúng tuyển |
| 03 nhu cầu về Luật, tài chính - ngân hàng hoặc xây dựng Đảng |             |                  |                     |           |                                  |                     |                               |          |                                       |                                  |                                  |                                            |              |                 |           |                    | 0           |
| 3                                                            | ĐD042       | Đỗ Thị Kim Chi   | 01/08/1982          | Nữ        | Kinh tế Luật                     | Đại học             | Công tác Nội chính            | 37       | Tham mưu về công tác nội chính        | Phòng Nghiệp vụ                  | Ban Nội chính Tỉnh ủy            |                                            |              | 59              | 59        |                    | Trúng tuyển |
| 4                                                            | ĐD322       | Đặng Thị Oanh    | 15/04/1983          | Nữ        | CN Tài chính- ngân hàng, CN Luật | Đại học             | Công tác Nội chính            | 37       | Tham mưu về công tác nội chính        | Phòng Nghiệp vụ                  | Ban Nội chính Tỉnh ủy            |                                            |              | 63              | 63        |                    | Trúng tuyển |
| 5                                                            | ĐD361       | Lê Văn Sỏi       | 04/05/1992          | Nam       | CN XDD                           | Đại học             | Công tác Nội chính            | 37       | Tham mưu về công tác nội chính        | Phòng Nghiệp vụ                  | Ban Nội chính Tỉnh ủy            |                                            |              | 65              | 65        |                    | Trúng tuyển |
| 02 nhu cầu về lịch sử, ngôn ngữ học hoặc QLNN                |             |                  |                     |           |                                  |                     |                               |          |                                       |                                  |                                  |                                            |              |                 |           |                    | 0           |
| 6                                                            | ĐD484       | Nguyễn Thị Tuấn  | 10/05/1986          | Nữ        | Quản lý Nhà nước                 | Đại học             | Công tác tuyên giáo           | 19       | Tham mưu công tác tuyên giáo          | Phòng Nghiệp vụ                  | Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy           | Con người hưởng chính sách như thương binh | 5            | 68.5            | 74        |                    | Trúng tuyển |
| 7                                                            | ĐD014       | Đỗ Thị Tuyết Anh | 18/12/1995          | Nữ        | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam   | Đại học             | Công tác tuyên giáo           | 19       | Tham mưu công tác tuyên giáo          | Phòng Nghiệp vụ                  | Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy           |                                            |              | 62.5            | 63        |                    | Trúng tuyển |
| 06 nhu cầu về các ngành                                      |             |                  |                     |           |                                  |                     |                               |          |                                       |                                  |                                  |                                            |              |                 |           |                    | 0           |

| STT                                         | Số báo danh | Họ và tên    |        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo                 | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|---------------------------------------------|-------------|--------------|--------|---------------------|-----------|---------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|----------|--------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                           | 2           | 3            |        | 4                   | 5         | 6                                           | 7                   | 8                             | 9        | 10                             | 11                               | 12                               | 13                | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 8                                           | ĐĐ189       | Lê Đình      | Khánh  | 16/09/1983          | Nam       | Cử nhân Kinh tế                             | Đại học             | Công tác Hội nông dân         | 33       | Tham mưu công tác Hội nông dân | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Hội Nông dân tỉnh                | Con Thương binh   | 5            | 85              | 90        |                    | Trúng tuyển |
| 9                                           | ĐĐ239       | Tạ Thị       | Mai    | 23/10/1984          | Nữ        | Kỹ sư CNTT                                  | Đại học             | Công tác Hội nông dân         | 33       | Tham mưu công tác Hội nông dân | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Hội Nông dân tỉnh                |                   |              | 90              | 90        |                    | Trúng tuyển |
| 10                                          | ĐĐ215       | Nguyễn Ngọc  | Linh   | 17/08/1990          | Nam       | Kỹ sư trồng trọt                            | Đại học             | Công tác Hội nông dân         | 33       | Tham mưu công tác Hội nông dân | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Hội Nông dân tỉnh                |                   |              | 82              | 82        |                    | Trúng tuyển |
| 11                                          | ĐĐ276       | Thái Văn     | Nghi   | 13/08/1985          | Nam       | Quản lý đất đai                             | Đại học             | Công tác Hội nông dân         | 33       | Tham mưu công tác Hội nông dân | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Hội Nông dân tỉnh                |                   |              | 82              | 82        |                    | Trúng tuyển |
| 12                                          | ĐĐ188       | Ngô Khắc     | Khánh  | 07/07/1987          | Nam       | Kỹ sư Nông học, ThS Khoa học cây trồng      | ThS                 | Công tác Hội nông dân         | 33       | Tham mưu công tác Hội nông dân | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Hội Nông dân tỉnh                |                   |              | 74              | 74        |                    | Trúng tuyển |
| 13                                          | ĐĐ082       | Trần Thị     | Dung   | 20/01/1992          | Nữ        | Kỹ sư Quản lý tài nguyên rừng và môi trường | Đại học             | Công tác Hội nông dân         | 33       | Tham mưu công tác Hội nông dân | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Hội Nông dân tỉnh                |                   |              | 69              | 69        |                    | Trúng tuyển |
| <b>03 nhu cầu về các ngành</b>              |             |              |        |                     |           |                                             |                     |                               |          |                                |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 3                  |             |
| 14                                          | ĐĐ341       | Đào Thị Loan | Phương | 15/03/1986          | Nữ        | Tài chính ngân hàng                         | Đại học             | Công tác Hội phụ nữ           | 32       | Tham mưu công tác Hội phụ nữ   | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Hội Phụ nữ                       |                   |              | 80              | 80        |                    | Trúng tuyển |
| 15                                          | ĐĐ033       | Chu Thúy     | Bình   | 15/04/1983          | Nữ        | Luật                                        | Đại học             | Công tác Hội phụ nữ           | 32       | Tham mưu công tác Hội phụ nữ   | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Hội Phụ nữ                       | Con thương binh   | 5            | 74              | 79        |                    | Trúng tuyển |
| 16                                          | ĐĐ389       | Đào Thị Kiều | Thành  | 18/02/1991          | Nữ        | Hành chính                                  | Đại học             | Công tác Hội phụ nữ           | 32       | Tham mưu công tác Hội phụ nữ   | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Hội Phụ nữ                       |                   |              | 59              | 59        |                    | Trúng tuyển |
| <b>01 Chuyên viên Tổ chức xây dựng Đảng</b> |             |              |        |                     |           |                                             |                     |                               |          |                                |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |

| STT                                                                 | Số báo danh | Họ và tên     |        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển    | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi                       | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên                               | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|---------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|--------|---------------------|-----------|-----------------------------|---------------------|----------------------------------|----------|------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                                   | 2           | 3             |        | 4                   | 5         | 6                           | 7                   | 8                                | 9        | 10                                                   | 11                               | 12                               | 13                                              | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 17                                                                  | ĐD035       | Lương Thị     | Bình   | 20/08/1980          | Nữ        | Luật                        | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng              | Ban Tổ chức Huyện ủy             | Huyện ủy Bù Đăng                 | Con thương binh                                 | 5            | 72              | 77        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên công tác Đoàn thanh niên                             |             |               |        |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                                                 |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 18                                                                  | ĐD348       | Lê Minh       | Quân   | 05/10/1996          | Nam       | Luật Kinh tế                | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên         | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên          | Huyện đoàn                       | Huyện ủy Bù Đăng                 |                                                 |              | 91              | 91        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên Văn phòng cấp ủy                                     |             |               |        |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                                                 |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 19                                                                  | ĐD401       | Lê Thị Anh    | Thị    | 29/11/1987          | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Văn phòng                        | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng                | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Bù Đăng                 |                                                 |              | 76              | 76        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên công tác Đoàn thanh niên                             |             |               |        |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                                                 |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 20                                                                  | ĐD207       | Đặng Thị Mỹ   | Lành   | 01/06/1993          | Nữ        | Luật                        | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên         | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên          | Huyện đoàn                       | Huyện ủy Bù Đốp                  | Đối tượng hoàn thành nhiệm vụ DQTT tại BCHQS xã | 2.5          | 77              | 79.5      |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên Văn phòng cấp ủy                                     |             |               |        |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                                                 |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 21                                                                  | ĐD217       | Vũ Thùy       | Linh   | 20/04/1989          | Nữ        | Sinh học                    | Đại học             | Văn phòng                        | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng                | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Bù Đốp                  |                                                 |              | 77              | 77        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Kế toán                                                          |             |               |        |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                                                 |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 22                                                                  | ĐD293       | Trần Thị Hồng | Nguyên | 02/07/1986          | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Kế toán                          | 10       | Kế toán cơ quan                                      | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Bù Đốp                  |                                                 |              | 52              | 52        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên tham mưu công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực |             |               |        |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                                                 |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 23                                                                  | ĐD263       | Cao Đức       | Nam    | 04/12/1982          | Nam       | Kỹ sư Xây dựng              | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực | Ban Tổ chức Huyện ủy             | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                                                 |              | 76              | 76        |                    | Trúng tuyển |

| STT                                                     | Số báo danh | Họ và tên         |       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển    | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi                       | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|---------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------|---------------------|-----------|-----------------------------|---------------------|----------------------------------|----------|------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                       | 2           | 3                 |       | 4                   | 5         | 6                           | 7                   | 8                                | 9        | 10                                                   | 11                               | 12                               | 13                | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 24                                                      | ĐĐ473       | Phùng Thị Cẩm     | Tú    | 01/10/1997          | Nữ        | Cử nhân Hành chính học      | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực | Ban Tổ chức Huyện ủy             | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                   |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên tham mưu công tác tổ chức, xây dựng Đảng |             |                   |       |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 25                                                      | ĐĐ491       | Hà Thị            | Tuyển | 05/11/1989          | Nữ        | Cử nhân Công tác Xã hội     | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng              | Ban Tổ chức Huyện ủy             | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                   |              | 63              | 63        |                    | Trúng tuyển |
| 26                                                      | ĐĐ500       | Trần Thị Hoài     | Vân   | 06/10/1986          | Nữ        | Cử nhân Văn học             | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng              | Ban Tổ chức Huyện ủy             | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                   |              | 70              | 70        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác tuyên giáo             |             |                   |       |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 27                                                      | ĐĐ479       | Lê Quảng          | Tuấn  | 01/08/1988          | Nam       | Lịch sử Đảng                | Thạc sỹ             | Công tác tuyên giáo              | 19       | Tham mưu công tác tuyên giáo                         | Ban Tuyên giáo Huyện ủy          | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                   |              | 68              | 68        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên công tác Hội nông dân                    |             |                   |       |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 28                                                      | ĐĐ400       | Nguyễn Thị        | Thi   | 22/12/1989          | Nữ        | Kỹ sư Nuôi trồng Thủy sản   | Đại học             | Công tác Hội nông dân            | 33       | Tham mưu công tác Hội nông dân                       | Hội nông dân                     | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                   |              | 81              | 81        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên công tác Đoàn thanh niên                 |             |                   |       |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 29                                                      | ĐĐ463       | Nguyễn Ngọc Tuyết | Trinh | 21/07/1995          | Nữ        | Cử nhân Triết học           | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên         | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên          | Huyện đoàn                       | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                   |              | 90              | 90        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên công tác kiểm tra Đảng                   |             |                   |       |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 30                                                      | ĐĐ054       | Lê Quang          | Đạt   | 04/02/1987          | Nam       | Cử nhân Kinh tế             | Đại học             | Kiểm tra Đảng                    | 18       | Tham mưu công tác kiểm tra Đảng                      | Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy         | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                   |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên Công nghệ thông tin                      |             |                   |       |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 31                                                      | ĐĐ068       | Phan Việt         | Đức   | 27/07/1993          | Nam       | Kỹ Sư CNTT                  | Đại Học             | Công nghệ thông tin              | 24       | Công nghệ thông tin                                  | Ủy ban MTTQVN huyện              | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                   |              | 77              | 77        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên công tác Mặt trận                        |             |                   |       |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 32                                                      | ĐĐ488       | Nguyễn Minh       | Tùng  | 29/06/1992          | Nam       | Quản lý Hành chính công     | Đại học             | Công tác mặt trận Tổ quốc        | 31       | Tham mưu công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam          | Ủy ban MTTQVN huyện              | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                   |              | 87              | 87        |                    | Trúng tuyển |

| STT                                                        | Số báo danh | Họ và tên  |        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo        | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển    | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi              | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên  | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|------------------------------------------------------------|-------------|------------|--------|---------------------|-----------|------------------------------------|---------------------|----------------------------------|----------|---------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|--------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                          | 2           | 3          |        | 4                   | 5         | 6                                  | 7                   | 8                                | 9        | 10                                          | 11                               | 12                               | 13                 | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 01 Chuyên viên Văn phòng cấp ủy                            |             |            |        |                     |           |                                    |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                    |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 33                                                         | ĐD377       | Nguyễn Thị | Thắm   | 08/05/1989          | Nữ        | Văn học                            | Đại học             | Văn phòng                        | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng       | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                    |              | 91              | 91        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Tài chính Đảng                                          |             |            |        |                     |           |                                    |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                    |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 34                                                         | ĐD295       | Nguyễn Thị | Nguyệt | 15/03/1986          | Nữ        | Cử nhân Kinh tế - Luật             | Đại học             | Tài chính Đảng                   | 30       | Tham mưu công tác tài chính Đảng            | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                    |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên Công nghệ thông tin                         |             |            |        |                     |           |                                    |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                    |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 35                                                         | ĐD422       | Nguyễn Văn | Thuận  | 28/10/1980          | Nam       | Cử nhân Công nghệ Thông tin        | Đại học             | Công nghệ thông tin              | 24       | Công nghệ thông tin                         | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Bù Gia Mập              |                    |              | 70              | 70        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác tổ chức - xây dựng Đảng   |             |            |        |                     |           |                                    |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                    |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 36                                                         | ĐD002       | Nguyễn Hữu | An     | 01/04/1988          | Nam       | Hành Chính học                     | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng     | Ban Tổ chức Huyện ủy             | Huyện ủy Chơn Thành              | Quản nhân xuất ngũ | 2.5          | 93              | 96        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác Hội phụ nữ                |             |            |        |                     |           |                                    |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                    |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 37                                                         | ĐD108       | Hồ Thị     | Hằng   | 01/10/1987          | Nữ        | Cử nhân XHH                        | Đại học             | Công tác Hội phụ nữ              | 32       | Tham mưu công tác Hội phụ nữ                | Hội phụ nữ                       | Huyện ủy Chơn Thành              |                    |              | 76.5            | 77        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác Dân vận                   |             |            |        |                     |           |                                    |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                    |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 38                                                         | ĐD018       | Lê Ngọc    | Anh    | 2/4/1988            | Nam       | cử nhân lịch sử                    | Đại học             | Công tác dân vận                 | 20       | Tham mưu công tác về dân vận                | Ban Dân vận Huyện ủy             | Huyện ủy Hớn Quản                | con thương binh    | 5            | 75              | 80        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác tổ chức - xây dựng Đảng   |             |            |        |                     |           |                                    |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                    |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 39                                                         | ĐD471       | Vương Quốc | Trung  | 15/7/1979           | Nam       | Thạc sỹ kinh tế                    | Thạc sỹ             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác tổ chức - xây dựng Đảng   | Ban Tổ chức Huyện ủy             | Huyện ủy Hớn Quản                |                    |              | 73              | 73        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác phát triển nguồn nhân lực |             |            |        |                     |           |                                    |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                    |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 40                                                         | ĐD505       | Hồ Thị     | Vân    | 18/2/1990           | Nữ        | cử nhân triết học                  | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác phát triển nguồn nhân lực | Ban Tổ chức Huyện ủy             | Huyện ủy Hớn Quản                |                    |              | 77              | 77        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác tuyên giáo                |             |            |        |                     |           |                                    |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                    |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 41                                                         | ĐD138       | Bùi Thị    | Hoàn   | 16/1/1987           | Nữ        | cử nhân sư phạm giáo dục chính trị | Đại học             | Công tác tuyên giáo              | 19       | Tham mưu công tác tuyên giáo                | Ban Tuyên giáo Huyện ủy          | Huyện ủy Hớn Quản                |                    |              | 64.5            | 65        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác Hội phụ nữ                |             |            |        |                     |           |                                    |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                    |              |                 | 0         | 1                  |             |

| STT                                              | Số báo danh | Họ và tên       |        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo              | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi              | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên                                         | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|--------------------------------------------------|-------------|-----------------|--------|---------------------|-----------|------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|----------|---------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                | 2           | 3               |        | 4                   | 5         | 6                                        | 7                   | 8                             | 9        | 10                                          | 11                               | 12                               | 13                                                        | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 42                                               | ĐĐ141       | Nguyễn Thị      | Hoàng  | 20/6/1989           | Nữ        | Cử nhân luật                             | Đại học             | Công tác Hội phụ nữ           | 32       | Tham mưu công tác Hội phụ nữ                | Hội LHPN huyện                   | Huyện ủy Hớn Quản                | con đẻ người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học | 5            | 61              | 66        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên tham mưu công tác Đoàn thanh niên |             |                 |        |                     |           |                                          |                     |                               |          |                                             |                                  |                                  |                                                           |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 43                                               | ĐĐ344       | Trương Thị      | Phương | 20/2/1989           | Nữ        | Cử nhân luật                             | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Huyện đoàn                       | Huyện ủy Hớn Quản                |                                                           |              | 84              | 84        |                    | Trúng tuyển |
| 44                                               | ĐĐ063       | Trần Thị Tùng   | Diệp   | 28/3/1995           | Nữ        | Cử nhân quản lý nhà nước                 | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Huyện đoàn                       | Huyện ủy Hớn Quản                |                                                           |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác Kiểm tra Đảng   |             |                 |        |                     |           |                                          |                     |                               |          |                                             |                                  |                                  |                                                           |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 45                                               | ĐĐ370       | Trần Thị        | Tâm    | 03/10/1991          | Nữ        | Cử nhân xã hội học                       | Đại học             | Kiểm tra Đảng                 | 18       | Tham mưu công tác kiểm tra Đảng             | Ủy ban kiểm tra Huyện ủy         | Huyện ủy Hớn Quản                |                                                           |              | 87              | 87        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên Văn phòng cấp ủy                  |             |                 |        |                     |           |                                          |                     |                               |          |                                             |                                  |                                  |                                                           |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 46                                               | ĐĐ129       | Nguyễn Trung    | Hiếu   | 06/08/1986          | Nam       | Cử nhân luật, kỹ sư kinh tế vận tải biển | Đại học             | Văn phòng                     | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng       | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Hớn Quản                |                                                           |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 47                                               | ĐĐ128       | Nguyễn Văn      | Hiếu   | 05/06/1993          | Nam       | Cử nhân Tài chính ngân hàng              | Đại học             | Văn phòng                     | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng       | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Hớn Quản                |                                                           |              | 61              | 61        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Kế toán                                       |             |                 |        |                     |           |                                          |                     |                               |          |                                             |                                  |                                  |                                                           |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 48                                               | ĐĐ430       | Huỳnh Mai Thanh | Thúy   | 20/7/1989           | Nữ        | cử nhân kế toán                          | Đại học             | Kế toán                       | 10       | Kế toán cơ quan                             | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Hớn Quản                |                                                           |              | 91              | 91        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác Đoàn thanh niên |             |                 |        |                     |           |                                          |                     |                               |          |                                             |                                  |                                  |                                                           |              |                 | 0         | 1                  |             |

| STT                                                        | Số báo danh | Họ và tên        |       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển    | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi                       | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|------------------------------------------------------------|-------------|------------------|-------|---------------------|-----------|-----------------------------|---------------------|----------------------------------|----------|------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                          | 2           | 3                |       | 4                   | 5         | 6                           | 7                   | 8                                | 9        | 10                                                   | 11                               | 12                               | 13                | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 49                                                         | ĐĐ417       | Nguyễn Thị Tuyết | Thu   | 22/09/1994          | Nữ        | Quản lý Nhà nước            | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên         | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên          | Huyện đoàn                       | Huyện ủy Lộc Ninh                | Con thương binh   | 5            | 60.5            | 66        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác Mặt trận Tổ quốc          |             |                  |       |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 50                                                         | ĐĐ404       | Hà Chí           | Thiện | 30/08/1992          | Nam       | Quản lý Nhà nước            | Đại học             | Công tác mặt trận Tổ quốc        | 31       | Tham mưu công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam          | UBMTTQ Huyện                     | Huyện ủy Lộc Ninh                |                   |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên Văn phòng cấp ủy                            |             |                  |       |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 51                                                         | ĐĐ175       | Nguyễn Ngọc      | Huy   | 27/09/1990          | Nam       | Hành chính học              | Đại học             | Văn phòng                        | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng                | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Lộc Ninh                |                   |              | 80              | 80        |                    | Trúng tuyển |
| 52                                                         | ĐĐ450       | Trần Thị Hương   | Trâm  | 14/06/1990          | Nữ        | Quản trị kinh doanh         | Đại học             | Văn phòng                        | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng                | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Lộc Ninh                |                   |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác Dân vận                   |             |                  |       |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 53                                                         | ĐĐ382       | Phạm Văn         | Thắng | 10/10/1985          | Nam       | CN Xã hội học               | Đại học             | Công tác dân vận                 | 20       | Tham mưu công tác về dân vận                         | Ban Dân vận Huyện ủy             | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 58              | 58        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên tham mưu công tác Phát triển nguồn nhân lực |             |                  |       |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 54                                                         | ĐĐ383       | Lê Văn Quốc      | Thắng | 16/04/1994          | Nam       | CN QL Nhà nước              | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực | Ban Tổ chức Huyện ủy             | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 70              | 70        |                    | Trúng tuyển |
| 55                                                         | ĐĐ457       | Nguyễn Thị Ngọc  | Trang | 20/11/1994          | Nữ        | CN Kế toán                  | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực | Ban Tổ chức Huyện ủy             | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 65              | 65        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên tham mưu công tác Tổ chức xây dựng Đảng     |             |                  |       |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                                      |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 56                                                         | ĐĐ124       | Võ Văn           | Hiệp  | 20/02/1990          | Nam       | CN Luật                     | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng              | Ban Tổ chức Huyện ủy             | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 70              | 70        |                    | Trúng tuyển |

| STT                                                 | Số báo danh | Họ và tên      |      | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển    | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi              | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|-----------------------------------------------------|-------------|----------------|------|---------------------|-----------|-----------------------------|---------------------|----------------------------------|----------|---------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                   | 2           | 3              |      | 4                   | 5         | 6                           | 7                   | 8                                | 9        | 10                                          | 11                               | 12                               | 13                | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 57                                                  | ĐĐ277       | Nguyễn Văn     | Nghị | 18/02/1989          | Nam       | CN Lịch sử Đảng             | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng     | Ban Tổ chức Huyện ủy             | Huyện ủy Phú Riềng               | Con thương binh   | 5            | 75              | 80        |                    | Trúng tuyển |
| 03 Chuyên viên tham mưu công tác Tuyên giáo         |             |                |      |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 3                  |             |
| 58                                                  | ĐĐ121       | Lê Thị Ngọc    | Hiền | 22/08/1989          | Nữ        | Triết học                   | Đại học             | Công tác tuyên giáo              | 19       | Tham mưu công tác tuyên giáo                | Ban Tuyên giáo Huyện ủy          | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 70.5            | 71        |                    | Trúng tuyển |
| 59                                                  | ĐĐ056       | Lê Văn         | Đạt  | 07/01/1996          | Nam       | QL Nhà nước                 | Đại học             | Công tác tuyên giáo              | 19       | Tham mưu công tác tuyên giáo                | Ban Tuyên giáo Huyện ủy          | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 61              | 61        |                    | Trúng tuyển |
| 60                                                  | ĐĐ356       | Nguyễn Thị Ánh | Sao  | 20/08/1986          | Nữ        | Cử nhân Kinh Tế             | Đại học             | Công tác tuyên giáo              | 19       | Tham mưu công tác tuyên giáo                | Ban Tuyên giáo Huyện ủy          | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 59.5            | 60        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác Hội cựu chiến binh |             |                |      |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 61                                                  | ĐĐ252       | Nguyễn Thị     | Minh | 11/08/1988          | Nữ        | CN QL Giáo dục              | Đại học             | Công tác Hội cựu chiến binh      | 35       | Tham mưu công tác Hội cựu chiến binh        | Hội CCB huyện                    | Huyện ủy Phú Riềng               | Con thương binh   | 5            | 70              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác Hội nông dân       |             |                |      |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 62                                                  | ĐĐ353       | Bùi Thị Hà     | Ry   | 18/12/1990          | Nữ        | Kế toán                     | Đại học             | Công tác Hội nông dân            | 33       | Tham mưu công tác Hội nông dân              | Hội nông dân                     | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 68              | 68        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác Hội phụ nữ         |             |                |      |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 63                                                  | ĐĐ210       | Vương Thị      | Liên | 16/09/1991          | Nữ        | Cử nhân Kế toán             | Đại học             | Công tác Hội phụ nữ              | 32       | Tham mưu công tác Hội phụ nữ                | Hội phụ nữ                       | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 67              | 67        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên tham mưu công tác Đoàn thanh niên    |             |                |      |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 64                                                  | ĐĐ324       | Lê Thị         | Oanh | 16/10/1997          | Nữ        | CN Kinh tế                  | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên         | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Huyện đoàn                       | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 86              | 86        |                    | Trúng tuyển |
| 65                                                  | ĐĐ057       | Bùi Quốc       | Đạt  | 26/07/1996          | Nam       | CN QL Nhà nước              | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên         | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Huyện đoàn                       | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 80              | 80        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên tham mưu công tác Mặt trận Tổ quốc   |             |                |      |                     |           |                             |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 2                  |             |

| STT                                                      | Số báo danh | Họ và tên        |       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo          | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển    | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi              | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|----------------------------------------------------------|-------------|------------------|-------|---------------------|-----------|--------------------------------------|---------------------|----------------------------------|----------|---------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                        | 2           | 3                |       | 4                   | 5         | 6                                    | 7                   | 8                                | 9        | 10                                          | 11                               | 12                               | 13                | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 66                                                       | ĐĐ059       | Nguyễn Thị       | Diễm  | 20/10/1991          | Nữ        | CN Tài chính                         | Đại học             | Công tác mặt trận Tổ quốc        | 31       | Tham mưu công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | UB.MTTQ VN huyện                 | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 65              | 65        |                    | Trúng tuyển |
| 67                                                       | ĐĐ153       | Lê Thị           | Hồng  | 05/05/1989          | Nữ        | Th.s Triết học CN Khoa học Chính trị | Th.s                | Công tác mặt trận Tổ quốc        | 31       | Tham mưu công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | UB.MTTQ VN huyện                 | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 83              | 83        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên tham mưu công tác Kiểm tra Đảng           |             |                  |       |                     |           |                                      |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 68                                                       | ĐĐ157       | Ngô Thị          | Huệ   | 12/11/1989          | Nữ        | Cử nhân Kế toán                      | Đại học             | Kiểm tra Đảng                    | 18       | Tham mưu công tác kiểm tra Đảng             | UBKT Huyện ủy                    | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 04 Chuyên viên Văn phòng cấp ủy                          |             |                  |       |                     |           |                                      |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 4                  |             |
| 69                                                       | ĐĐ218       | Nguyễn Thị Thanh | Linh  | 14/05/1989          | Nữ        | Cử nhân Kế toán                      | Đại học             | Văn phòng                        | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng       | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Phú Riềng               | Con Thương binh   | 5            | 85              | 90        |                    | Trúng tuyển |
| 70                                                       | ĐĐ240       | Hoàng Sao        | Mai   | 24/02/1986          | Nữ        | Th.s Lịch Sử Việt Nam CN SP Lịch Sử  | Th.s                | Văn phòng                        | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng       | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 87              | 87        |                    | Trúng tuyển |
| 71                                                       | ĐĐ435       | Lê Thị Thu       | Thủy  | 09/09/1987          | Nữ        | CN Kế toán                           | Đại học             | Văn phòng                        | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng       | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 70              | 70        |                    | Trúng tuyển |
| 72                                                       | ĐĐ053       | Trần Thị         | Đào   | 31/10/1991          | Nữ        | CN Triết học Khoa học Chính trị      | Đại học             | Văn phòng                        | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng       | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 58              | 58        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên Công nghệ thông tin                       |             |                  |       |                     |           |                                      |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 73                                                       | ĐĐ142       | Nguyễn Đức       | Hoàng | 21/03/1990          | Nam       | CN Công nghệ Thông tin               | Đại học             | Công nghệ thông tin              | 24       | Công nghệ thông tin                         | Văn phòng cấp ủy                 | Huyện ủy Phú Riềng               |                   |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác tổ chức - xây dựng Đảng |             |                  |       |                     |           |                                      |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 74                                                       | ĐĐ486       | Hoàng Đức        | Tuệ   | 15/11/1987          | Nam       | Hành Chính học                       | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng     | Ban tổ chức Thành ủy             | Thành ủy Đồng Xoài               |                   |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên tham mưu công tác Đoàn thanh niên         |             |                  |       |                     |           |                                      |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 2                  |             |

| STT                                                               | Số báo danh | Họ và tên        |       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo                               | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển    | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi              | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|-------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|-------|---------------------|-----------|-----------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|----------|---------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                                 | 2           | 3                |       | 4                   | 5         | 6                                                         | 7                   | 8                                | 9        | 10                                          | 11                               | 12                               | 13                | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 75                                                                | ĐĐ459       | Đỗ Thị Thu       | Trang | 20/03/1987          | Nữ        | Kế toán                                                   | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên         | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Thành đoàn Đồng Xoài             | Thành ủy Đồng Xoài               |                   |              | 65              | 65        |                    | Trúng tuyển |
| 76                                                                | ĐĐ467       | Phạm Nguyễn Minh | Trình | 22/12/1993          | Nữ        | Luật                                                      | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên         | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Thành đoàn Đồng Xoài             | Thành ủy Đồng Xoài               |                   |              | 72.5            | 73        |                    | Trúng tuyển |
| <b>03 Chuyên viên Văn phòng cấp ủy</b>                            |             |                  |       |                     |           |                                                           |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 3                  |             |
| 77                                                                | ĐĐ024       | Hồ Văn           | Bắc   | 27/9/1988           | Nam       | Cử nhân Tài chính - ngân hàng                             | Đại học             | Văn phòng                        | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng       | Văn phòng cấp ủy                 | Thị ủy Bình Long                 |                   |              | 81              | 81        |                    | Trúng tuyển |
| 78                                                                | ĐĐ051       | Võ Đoàn Trúc     | Dân   | 29/9/1987           | Nữ        | Cử nhân Khoa học môi trường                               | Đại học             | Văn phòng                        | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng       | Văn phòng cấp ủy                 | Thị ủy Bình Long                 |                   |              | 79              | 79        |                    | Trúng tuyển |
| 79                                                                | ĐĐ155       | Nguyễn Thị       | Huế   | 12/4/1988           | Nữ        | Cử nhân Giáo dục chính trị                                | Đại học             | Văn phòng                        | 01       | Tham mưu công tác quản trị, văn phòng       | Văn phòng cấp ủy                 | Thị ủy Bình Long                 |                   |              | 74              | 74        |                    | Trúng tuyển |
| <b>01 Kế toán</b>                                                 |             |                  |       |                     |           |                                                           |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 80                                                                | ĐĐ169       | Lê Thị Thanh     | Hương | 23/02/1990          | Nữ        | Cử nhân Tài chính - ngân hàng                             | Đại học             | Kế toán                          | 10       | Kế toán cơ quan                             | Văn phòng cấp ủy                 | Thị ủy Bình Long                 |                   |              | 77              | 77        |                    | Trúng tuyển |
| <b>01 Chuyên viên tham mưu công tác phát triển nguồn nhân lực</b> |             |                  |       |                     |           |                                                           |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 81                                                                | ĐĐ260       | Bùi Việt         | Nam   | 14/11/1988          | Nam       | Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Công nghệ thông tin, | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng     | Ban Tổ chức Thị ủy               | Thị ủy Bình Long                 |                   |              | 65              | 65        |                    | Trúng tuyển |
| <b>02 Chuyên viên tham mưu công tác Mặt trận Tổ quốc</b>          |             |                  |       |                     |           |                                                           |                     |                                  |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 82                                                                | ĐĐ269       | Nguyễn Thị Thanh | Nga   | 22/4/1985           | Nữ        | Cử nhân Kinh tế Luật                                      | Đại học             | Công tác mặt trận Tổ quốc        | 31       | Tham mưu công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | Mặt trận TQVN                    | Thị ủy Bình Long                 |                   |              | 85              | 85        |                    | Trúng tuyển |



| STT                                                             | Số báo danh | Họ và tên     |       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo                  | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển    | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi          | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên      | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|-----------------------------------------------------------------|-------------|---------------|-------|---------------------|-----------|----------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|----------|-----------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|------------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                               | 2           | 3             |       | 4                   | 5         | 6                                            | 7                   | 8                                | 9        | 10                                      | 11                               | 12                               | 13                     | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 92                                                              | ĐĐ065       | Hà Thị        | Diệp  | 05/02/1985          | Nữ        | Cử nhân kế toán                              | Đại học             | Kế toán                          | 10       | Kế toán cơ quan                         | Mặt trận TQVN                    | Thị ủy Phước Long                | Người đồng bào dân tộc | 5            | 62              | 67        |                    | Trúng tuyển |
| <b>02 Chuyên viên tham mưu công tác Kiểm tra Đảng</b>           |             |               |       |                     |           |                                              |                     |                                  |          |                                         |                                  |                                  |                        |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 93                                                              | ĐĐ034       | Mai Thị Thanh | Bình  | 26/07/1991          | Nữ        | Cử nhân kinh tế; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | Đại học; Thạc sĩ    | Kiểm tra Đảng                    | 18       | Tham mưu công tác kiểm tra Đảng         | UBKT Thị ủy                      | Thị ủy Phước Long                |                        |              | 78              | 78        |                    | Trúng tuyển |
| 94                                                              | ĐĐ442       | Nguyễn Thủy   | Tiền  | 21/11/1996          | Nữ        | Cử nhân quản trị nguồn nhân lực              | Đại học             | Kiểm tra Đảng                    | 18       | Tham mưu công tác kiểm tra Đảng         | UBKT Thị ủy                      | Thị ủy Phước Long                |                        |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| <b>02 Chuyên viên tham mưu công tác Tuyên giáo</b>              |             |               |       |                     |           |                                              |                     |                                  |          |                                         |                                  |                                  |                        |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 95                                                              | ĐĐ369       | Hoàng Thị     | Tâm   | 12/10/1991          | Nữ        | Cử nhân Giáo dục Chính trị                   | Đại học             | Công tác tuyên giáo              | 19       | Tham mưu công tác tuyên giáo            | Ban Tuyên giáo Thị ủy            | Thị ủy Phước Long                |                        |              | 68              | 68        |                    | Trúng tuyển |
| 96                                                              | ĐĐ465       | Đặng Dương Mỹ | Trình | 30/07/1993          | Nữ        | Cử nhân hành chính Thạc sĩ kinh tế           | Thạc sĩ             | Công tác tuyên giáo              | 19       | Tham mưu công tác tuyên giáo            | Ban Tuyên giáo Thị ủy            | Thị ủy Phước Long                |                        |              | 70              | 70        |                    | Trúng tuyển |
| <b>01 Chuyên viên tham mưu công tác Dân vận</b>                 |             |               |       |                     |           |                                              |                     |                                  |          |                                         |                                  |                                  |                        |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 97                                                              | ĐĐ025       | Nguyễn Ngọc   | Bảo   | 10/04/1988          | Nam       | Cử nhân Đông phương học                      | Đại học             | Công tác dân vận                 | 20       | Tham mưu công tác về dân vận            | Ban Dân vận Thị ủy               | Thị ủy Phước Long                |                        |              | 77              | 77        |                    | Trúng tuyển |
| <b>03 Chuyên viên tham mưu công tác Tổ chức - Xây dựng Đảng</b> |             |               |       |                     |           |                                              |                     |                                  |          |                                         |                                  |                                  |                        |              |                 | 0         | 3                  |             |
| 98                                                              | ĐĐ045       | Nguyễn Thị    | Chúc  | 10/10/1991          | Nữ        | Cử nhân Kinh tế - Luật                       | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng | Ban Tổ chức Thị ủy               | Thị ủy Phước Long                |                        |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 99                                                              | ĐĐ261       | Cao Minh      | Nam   | 11/08/1992          | Nam       | Cử nhân luật                                 | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng | Ban Tổ chức Thị ủy               | Thị ủy Phước Long                | Con thương binh        | 5            | 60              | 65        |                    | Trúng tuyển |
| 100                                                             | ĐĐ518       | Quách Đại     | Vũ    | 18/09/1997          | Nam       | Cử nhân luật                                 | Đại học             | Công tác tổ chức - xây dựng Đảng | 21       | Tham mưu công tác tổ chức xây dựng Đảng | Ban Tổ chức Thị ủy               | Thị ủy Phước Long                | Dân tộc thiểu số       | 5            | 70              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| <b>01 Chuyên viên tham mưu công tác Hội Phụ nữ</b>              |             |               |       |                     |           |                                              |                     |                                  |          |                                         |                                  |                                  |                        |              |                 | 0         | 1                  |             |

| STT                                              | Số báo danh | Họ và tên       |       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi              | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|--------------------------------------------------|-------------|-----------------|-------|---------------------|-----------|-----------------------------|---------------------|-------------------------------|----------|---------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                | 2           | 3               |       | 4                   | 5         | 6                           | 7                   | 8                             | 9        | 10                                          | 11                               | 12                               | 13                | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 101                                              | ĐD504       | Bùi Thị Thúy    | Vân   | 21/03/1990          | Nữ        | Cử nhân Kế toán -tài chính  | Đại học             | Công tác Hội phụ nữ           | 32       | Tham mưu công tác Hội phụ nữ                | Hội LHPN                         | Thị ủy Phước Long                |                   |              | 58              | 58        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên tham mưu công tác Hội nông dân    |             |                 |       |                     |           |                             |                     |                               |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 102                                              | ĐD429       | Ngô Thị Diễm    | Thúy  | 16/03/1991          | Nữ        | Cử nhân kế toán             | Đại học             | Công tác Hội nông dân         | 33       | Tham mưu công tác Hội nông dân              | Hội nông dân                     | Thị ủy Phước Long                |                   |              | 79              | 79        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên tham mưu công tác Đoàn thanh niên |             |                 |       |                     |           |                             |                     |                               |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 103                                              | ĐD023       | Nguyễn Thị Ngọc | Ánh   | 03/05/1996          | Nữ        | Cử nhân Hành chính          | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Thị Đoàn                         | Thị ủy Phước Long                | Con thương binh   | 5            | 74              | 79        |                    | Trúng tuyển |
| 104                                              | ĐD262       | Nguyễn Hoài     | Nam   | 02/04/1989          | Nam       | Cử nhân Hành chính          | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Thị Đoàn                         | Thị ủy Phước Long                |                   |              | 97              | 97        |                    | Trúng tuyển |
| 13 Chuyên viên tham mưu công tác Đoàn thanh niên |             |                 |       |                     |           |                             |                     |                               |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 11                 |             |
| 105                                              | ĐD022       | Thắm Ngọc       | Ánh   | 10/07/1997          | Nữ        | Cử nhân Luật                | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Tỉnh Đoàn                        |                   |              | 74              | 74        |                    | Trúng tuyển |
| 106                                              | ĐD085       | Thạch Thị Thùy  | Dương | 30/3/1991           | Nữ        | Cử nhân Tâm lý Giáo dục     | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Tỉnh Đoàn                        | Dân tộc thiểu số  | 5            | 76              | 81        |                    | Trúng tuyển |
| 107                                              | ĐD182       | Lê Văn          | Khá   | 30/07/1997          | Nam       | Cử nhân Công tác Xã hội     | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Tỉnh Đoàn                        |                   |              | 54              | 54        |                    | Trúng tuyển |
| 108                                              | ĐD209       | Trần Thị khánh  | Liên  | 01/01/1993          | Nữ        | Cử nhân tư tưởng            | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Tỉnh Đoàn                        |                   |              | 78              | 78        |                    | Trúng tuyển |
| 109                                              | ĐD250       | Quách Cao Kỳ    | Minh  | 29/11/1998          | Nữ        | Cử nhân Luật                | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Tỉnh Đoàn                        |                   |              | 54              | 54        |                    | Trúng tuyển |

| STT                                                  | Số báo danh | Họ và tên        |        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo   | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi              | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|------------------------------------------------------|-------------|------------------|--------|---------------------|-----------|-------------------------------|---------------------|-------------------------------|----------|---------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                    | 2           | 3                |        | 4                   | 5         | 6                             | 7                   | 8                             | 9        | 10                                          | 11                               | 12                               | 13                | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 110                                                  | ĐĐ306       | Trương Vũ Yến    | Nhi    | 12/07/1998          | Nữ        | Cử nhân Luật                  | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Tỉnh Đoàn                        |                   |              | 84              | 84        |                    | Trúng tuyển |
| 111                                                  | ĐĐ309       | Đoàn Thị Nhuận   | Nhuân  | 12/10/1993          | Nữ        | Cử nhân Hành chính            | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Tỉnh Đoàn                        |                   |              | 77              | 77        |                    | Trúng tuyển |
| 112                                                  | ĐĐ340       | Trần Thị Hà      | Phương | 08/08/1995          | Nữ        | Quản trị nhân lực             | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Tỉnh Đoàn                        |                   |              | 61.5            | 62        |                    | Trúng tuyển |
| 113                                                  | ĐĐ470       | Nguyễn Đức Quang | Trung  | 27/02/1996          | Nam       | Cử nhân Thể thao              | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Tỉnh Đoàn                        |                   |              | 56.5            | 57        |                    | Trúng tuyển |
| 114                                                  | ĐĐ493       | Nguyễn Thị Thanh | Tuyền  | 08/07/1997          | Nữ        | Cử nhân Quản lý Nhà nước      | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Tỉnh Đoàn                        |                   |              | 67              | 67        |                    | Trúng tuyển |
| 115                                                  | ĐĐ511       | Ngô Đức          | Việt   | 28/12/1992          | Nam       | Cử nhân Luật kinh tế          | Đại học             | Công tác Đoàn thanh niên      | 34       | Tham mưu công tác hoạt động Đoàn thanh niên | Phòng chuyên môn, nghiệp vụ      | Tỉnh Đoàn                        |                   |              | 71              | 71        |                    | Trúng tuyển |
| <b>4 Chuyên viên tham mưu công tác Kiểm tra Đảng</b> |             |                  |        |                     |           |                               |                     |                               |          |                                             |                                  |                                  |                   |              |                 | 0         | 4                  |             |
| 116                                                  | ĐĐ410       | Bùi Trọng        | Thoại  | 06/12/1995          | Nam       | Cử nhân Giáo dục chính trị    | Đại học             | Kiểm tra Đảng                 | 18       | Tham mưu công tác kiểm tra Đảng             | Phòng Nghiệp vụ                  | Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy          |                   |              | 85              | 85        |                    | Trúng tuyển |
| 117                                                  | ĐĐ492       | Phạm Quang       | Tuyền  | 24/11/1988          | Nam       | Kỹ sư Kinh tế Xây dựng        | Đại học             | Kiểm tra Đảng                 | 18       | Tham mưu công tác kiểm tra Đảng             | Phòng Nghiệp vụ                  | Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy          |                   |              | 85              | 85        |                    | Trúng tuyển |
| 118                                                  | ĐĐ080       | Nguyễn Thị Thùy  | Dung   | 05/12/1992          | Nữ        | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng | Đại học             | Kiểm tra Đảng                 | 18       | Tham mưu công tác kiểm tra Đảng             | Phòng Nghiệp vụ                  | Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy          | Con thương binh   | 5            | 75              | 80        |                    | Trúng tuyển |

| STT                                                        | Số báo danh | Họ và tên         |        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Ngành, chuyên ngành đào tạo   | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đăng ký dự tuyển   | Mã ngành | Vị trí việc làm đăng ký dự thi              | Vị trí bổ trí sau khi tuyển dụng | Cơ quan, đơn vị đăng ký dự tuyển | Đối tượng ưu tiên      | Điểm ưu tiên | Điểm thi vòng 2 | Tổng điểm | Chỉ tiêu cần tuyển | Kết quả     |
|------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|--------|---------------------|-----------|-------------------------------|---------------------|---------------------------------|----------|---------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|------------------------|--------------|-----------------|-----------|--------------------|-------------|
| 1                                                          | 2           | 3                 |        | 4                   | 5         | 6                             | 7                   | 8                               | 9        | 10                                          | 11                               | 12                               | 13                     | 14           | 15              | 16        | 17                 | 18          |
| 119                                                        | ĐD299       | Nguyễn Thị Thanh  | Nhân   | 06/09/1988          | Nữ        | Kế toán                       | Đại học             | Kiểm tra Đảng                   | 18       | Tham mưu công tác kiểm tra Đảng             | Phòng Nghiệp vụ                  | Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy          |                        |              | 75              | 75        |                    | Trúng tuyển |
| 03 Chuyên viên tham mưu công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam |             |                   |        |                     |           |                               |                     |                                 |          |                                             |                                  |                                  |                        |              |                 | 0         | 3                  |             |
| 120                                                        | ĐD485       | Thiên Thị Kim     | Tuệ    | 24/11/1984          | Nữ        | Cử nhân giáo dục Chính trị    | Đại học             | Công tác mặt trận Tổ quốc       | 31       | Tham mưu công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | Phòng chuyên môn                 | Ủy ban MTTQVN tỉnh               | Người đồng bào dân tộc | 5            | 88              | 93        |                    | Trúng tuyển |
| 121                                                        | ĐD144       | Trần Thị          | Hòe    | 05/06/1991          | Nữ        | Triết học – Tôn giáo học      | Đại học             | Công tác mặt trận Tổ quốc       | 31       | Tham mưu công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | Phòng chuyên môn                 | Ủy ban MTTQVN tỉnh               |                        |              | 92              | 92        |                    | Trúng tuyển |
| 122                                                        | ĐD081       | Nguyễn Thị Thùy   | Dung   | 03/05/1987          | Nữ        | Cử nhân ngành quản lý văn hóa | Đại học             | Công tác mặt trận Tổ quốc       | 31       | Tham mưu công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | Phòng chuyên môn                 | Ủy ban MTTQVN tỉnh               |                        |              | 84              | 84        |                    | Trúng tuyển |
| 01 kế toán Mặt trận Tổ quốc Việt Nam                       |             |                   |        |                     |           |                               |                     |                                 |          |                                             |                                  |                                  |                        |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 123                                                        | ĐD223       | Nguyễn Thị Cao Tổ | Loan   | 13/08/1989          | Nữ        | Kế toán                       | Đại học             | Kế toán                         | 10       | Kế toán cơ quan                             | Văn phòng                        | Ủy ban MTTQVN tỉnh               |                        |              | 72              | 72        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Chuyên viên Công nghệ thông tin                         |             |                   |        |                     |           |                               |                     |                                 |          |                                             |                                  |                                  |                        |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 124                                                        | ĐD415       | Phạm Hải          | Thu    | 25/12/1988          | Nam       | CNTT                          | Đại học             | Công nghệ thông tin             | 24       | Công nghệ thông tin                         | Phòng Tài chính - Quản trị       | Văn phòng Tỉnh ủy                |                        |              | 88              | 88        |                    | Trúng tuyển |
| 02 Chuyên viên tham mưu công tác Tài chính Đảng            |             |                   |        |                     |           |                               |                     |                                 |          |                                             |                                  |                                  |                        |              |                 | 0         | 2                  |             |
| 125                                                        | ĐD202       | Nguyễn Thị        | Lan    | 05/10/1980          | Nữ        | Kế toán                       | Đại học             | Tài chính Đảng                  | 30       | Tham mưu công tác tài chính Đảng            | Phòng Tài chính - Quản trị       | Văn phòng Tỉnh ủy                |                        |              | 85              | 85        |                    | Trúng tuyển |
| 126                                                        | ĐD313       | Vương Hồng        | Nhung  | 03/06/1993          | Nữ        | Tài chính - Ngân hàng         | Thạc sỹ             | Tài chính Đảng                  | 30       | Tham mưu công tác tài chính Đảng            | Phòng Tài chính - Quản trị       | Văn phòng Tỉnh ủy                | con thương binh        | 5            | 65              | 70        |                    | Trúng tuyển |
| 01 Văn thư - Lưu trữ                                       |             |                   |        |                     |           |                               |                     |                                 |          |                                             |                                  |                                  |                        |              |                 | 0         | 1                  |             |
| 127                                                        | ĐD438       | Lê Thị            | Thuyết | 12/11/1987          | Nữ        | Lưu trữ và Quản trị văn phòng | Đại học             | Công tác văn thư - lưu trữ Đảng | 36       | Tham mưu công tác văn thư - lưu trữ Đảng    | Phòng Tài chính - Quản trị       | Văn phòng Tỉnh ủy                |                        |              | 93              | 93        |                    | Trúng tuyển |